



Lắng nghe. thấu hiểu. Hành động.



**Điều Khoản Hợp Đồng
Bảo Hiểm Nhân Thọ**

PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính linh hoạt

1800 1 247

www.prudential.com.vn



**QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG 2019 - ĐÓNG PHÍ ĐỊNH KỲ**

(Được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn số 10221/BTC-QLBH, ngày 30 tháng 08 năm 2019)



MỤC LỤC

PHẦN I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	03
1. MÔ TẢ TÓM TẮT SẢN PHẨM	03
2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ	03
3. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	06
4. BẢO HIỂM TẠM THỜI	07
5. THỜI HẠN CÂN NHẮC	08
6. NHẦM LẤN KHI KÊ KHAI TUỔI VÀ GIỚI TÍNH	08
7. ĐIỀU KHOẢN MIỄN TRUY XÉT	08
8. THỪA KẾ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	08
PHẦN II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ BẢO HIỂM	09
9. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	09
10. THỦ TỤC VÀ THỜI GIAN GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	12
11. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ	14
12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM	16
13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA PRUDENTIAL	21
14. PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	22
15. GIA HẠN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM - MẤT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	24
16. QUỸ LIÊN KẾT CHUNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG	25
17. CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM	26
18. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	27



PHẦN I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. MÔ TẢ TÓM TẮT SẢN PHẨM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung là sản phẩm bảo hiểm nhân thọ có cơ cấu phí bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm được tách bạch giữa phần bảo hiểm rủi ro và phần đầu tư. Ngoài việc được hưởng quyền lợi bảo hiểm rủi ro khi Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, hoặc hưởng quyền lợi Đáo hạn hợp đồng, Bên mua bảo hiểm còn được hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung không thấp hơn lãi suất đầu tư tối thiểu đã được Prudential cam kết.

2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Các từ ngữ sử dụng trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này (Quy tắc, Điều khoản) được hiểu như sau:

- 2.1 Prudential/Công ty:** Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam được Bộ Tài chính cấp phép thành lập và hoạt động.
- 2.2 Bên mua bảo hiểm:** tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên hiện đang cư trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, là bên kê khai và ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng phí bảo hiểm.
- 2.3 Người được bảo hiểm:** cá nhân hiện đang cư trú tại Việt Nam được Prudential chấp nhận bảo hiểm theo Quy tắc, Điều khoản này.
Người được bảo hiểm phải nằm trong độ tuổi từ 30 ngày tuổi đến 65 tuổi vào thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm. Ngoài ra, giới hạn tuổi khi kết thúc Thời hạn hợp đồng là 99 tuổi.
- 2.4 Tuổi bảo hiểm:** là tuổi của Người được bảo hiểm tính theo ngày sinh nhật gần nhất trước ngày có hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc Ngày kỷ niệm hợp đồng trong các năm hợp đồng tiếp theo. Tất cả các từ “tuổi” sử dụng trong Hợp đồng bảo hiểm này đều được hiểu là “Tuổi bảo hiểm”.
- 2.5 Người thụ hưởng:** tổ chức, cá nhân được Bên mua bảo hiểm chỉ định với sự đồng ý của người được bảo hiểm hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm để nhận quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc, Điều khoản này.
- 2.6 Ngày hiệu lực hợp đồng:** ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản tạm tính cộng với phí bảo hiểm tạm tính của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2, nếu có, theo quy định của Prudential, với điều kiện Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm còn sống vào thời điểm Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được Prudential chấp thuận, nếu không có thỏa thuận khác. Ngày hiệu lực hợp đồng được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ.



- 2.7 Ngày kỷ niệm năm hợp đồng:** ngày kỷ niệm hàng năm của Ngày hiệu lực hợp đồng. Nếu năm không có ngày này thì ngày cuối cùng của tháng đó sẽ là Ngày kỷ niệm năm hợp đồng.
- 2.8 Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng:** ngày kỷ niệm hàng tháng của Ngày hiệu lực hợp đồng. Trường hợp trong tháng không có ngày tương ứng, ngày liền trước đó sẽ được áp dụng.
- 2.9 Năm hợp đồng:** khoảng thời gian 1 năm tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng của các năm tiếp theo.
- 2.10 Ngày Đáo hạn hợp đồng:** là ngày liền sau ngày cuối cùng của Thời hạn hợp đồng và được ghi trong Giấy Chứng nhận bảo hiểm nhân thọ nếu Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực đến thời điểm đó.
- 2.11 Số tiền bảo hiểm:** số tiền Prudential chấp nhận bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm chính và được ghi trong Giấy Chứng nhận bảo hiểm nhân thọ hoặc thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất, nếu có.
- 2.12 Số tiền bảo hiểm chịu rủi ro:** bằng Số tiền bảo hiểm trừ đi Giá trị tài khoản cơ bản, nhưng không nhỏ hơn không (0).
- 2.13 Quỹ liên kết chung:** quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung.
- 2.14 Phí bảo hiểm cơ bản (của sản phẩm chính):** khoản phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính được ghi trong Giấy Chứng nhận bảo hiểm nhân thọ hoặc thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất, nếu có. Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản, sau khi trừ Phí ban đầu.
- 2.15 Phí bảo hiểm cơ bản (của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1):** khoản phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 được ghi trong Giấy Chứng nhận bảo hiểm nhân thọ hoặc thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất, nếu có. Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản, sau khi trừ Phí ban đầu.
- 2.16 Phí bảo hiểm tích lũy thêm:** khoản tiền Bên mua bảo hiểm đóng thêm vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm sau khi đã đóng đầy đủ tất cả các khoản Phí bảo hiểm đến hạn. Phí bảo hiểm tích lũy thêm sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm, sau khi trừ Phí ban đầu.
- 2.17 Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1:** là các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ được đính kèm trong Phụ lục của Quy tắc, Điều khoản này. Theo đó, các sản phẩm bổ trợ này có Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng và đồng thời có Phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ từ Giá trị tài khoản của hợp đồng.



- 2.18 Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2:** là các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ khác ngoài Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 được Prudential triển khai tại từng thời điểm.
- 2.19 Phí bảo hiểm được phân bổ:** phần còn lại của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm tích lũy thêm, nếu có, sau khi trừ Phí ban đầu và được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm tương ứng để hưởng lãi.
- 2.20 Phí ban đầu:** khoản Phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm tích lũy thêm, nếu có, trước khi các khoản phí này được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm tương ứng.
- 2.21 Phí bảo hiểm rủi ro:** Là khoản phí để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro cho sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 (nếu có) theo cam kết trong Hợp đồng bảo hiểm. Phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản Hợp đồng vào Ngày hiệu lực Hợp đồng và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng.
- 2.22 Phí quản lý hợp đồng:** khoản Phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày hiệu lực Hợp đồng và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để chi trả cho việc quản lý Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.
- 2.23 Phí quản lý quỹ:** khoản Phí được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung.
- 2.24 Giá trị tài khoản cơ bản:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- 2.25 Giá trị tài khoản tích lũy thêm:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm tích lũy thêm được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- 2.26 Giá trị tài khoản hợp đồng:** tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm.
- 2.27 Giá trị hoàn lại:** số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ được nhận khi Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt trước thời hạn. Giá trị hoàn lại bằng Giá trị tài khoản hợp đồng trừ các Khoản nợ, nếu có. Công ty có trách nhiệm tính giá trị hoàn lại phù hợp cơ sở kỹ thuật đã đăng ký với Bộ Tài chính. Công ty trình bày Giá trị hoàn lại ước tính vào ngày kỷ niệm hợp đồng hàng năm tại tài liệu minh họa bán hàng.
- 2.28 Khoản nợ:** khoản tiền Bên mua bảo hiểm còn nợ Prudential bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng đến hạn.
- 2.29 Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:** nghĩa là khi:
- 2.29.1 Người được bảo hiểm bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của:
- Hai tay; hoặc
 - Hai chân; hoặc
 - Một tay và một chân; hoặc



- d. Hai mắt; hoặc
- e. Một tay và một mắt; hoặc
- f. Một chân và một mắt.

Trong trường hợp này, mất hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của (i) mắt được hiểu là mất hẳn mắt hoặc mù hoàn toàn, (ii) tay được tính từ cổ tay trở lên, (iii) chân được tính từ mắt cá chân trở lên.

Hoặc

- 2.29.2 Người được bảo hiểm bị mất sức lao động từ 81% trở lên theo quy định hiện hành của cơ quan y tế có thẩm quyền.
- 2.29.3 Tất cả các trường hợp thương tật trên đây phải được xác nhận bởi cơ quan y tế/Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên.
- 2.29.4 Việc chứng nhận bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể phải được thực hiện không sớm hơn 6 tháng kể từ ngày xảy ra Tai nạn hoặc từ ngày bệnh lý được chẩn đoán xác định.
- 2.29.5 Bị mất bộ phận cơ thể: Việc chứng nhận Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn tay hoặc chân hoặc mắt có thể được thực hiện ngay sau khi có sự kiện xảy ra.

2.30 Tai nạn: là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện liên tục, khách quan, xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài, không chủ động và ngoài ý muốn lên cơ thể của Người được bảo hiểm. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện hoặc chuỗi sự kiện đó.

3. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

3.1 Hợp đồng bảo hiểm bao gồm các văn bản sau:

- 3.1.1 Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm;
- 3.1.2 Giấy Chứng nhận bảo hiểm nhân thọ;
- 3.1.3 Thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng, nếu có;
- 3.1.4 Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm này;
- 3.1.5 Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 01 và Nhóm 02, nếu có;
- 3.1.6 Tài liệu minh họa bán hàng;
- 3.1.7 Các văn bản sửa đổi, bổ sung khác, nếu có, được ký kết hợp lệ giữa hai bên (như được ghi nhận cụ thể tại các văn bản này) trong quá trình giao kết và thực hiện Hợp đồng bảo hiểm.

3.2 Thời hạn hợp đồng/Thời hạn bảo hiểm: là khoảng thời gian tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng đến Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 99 tuổi.



Ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm được ghi trong Giấy Chứng nhận bảo hiểm nhân thọ hoặc thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất, nếu có.

3.3 Thời hạn đóng phí (áp dụng cho Phí bảo hiểm cơ bản): bắt buộc trong 05 (năm) năm đầu và linh hoạt đóng phí kể từ năm hợp đồng thứ 06 (sáu) cho đến hết Thời hạn hợp đồng.

4. BẢO HIỂM TẠM THỜI

Nếu Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính tử vong do Tai nạn trong thời hạn bảo hiểm tạm thời, Prudential sẽ chi trả giá trị nào nhỏ hơn của:

- 200.000.000 đồng; hoặc
- (Tổng) Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính trong (các) Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm mới tại thời điểm mua bảo hiểm, bất kể Người được bảo hiểm có bao nhiêu Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

Trong trường hợp quyền lợi Bảo hiểm tạm thời này được chi trả, (tổng) phí bảo hiểm đã đóng sẽ không được hoàn lại. Nếu (tổng) phí bảo hiểm đã đóng lớn hơn 200.000.000 đồng, Prudential sẽ hoàn lại (tổng) phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, thay cho quyền lợi Bảo hiểm tạm thời.

Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ thời điểm Bên mua bảo hiểm nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hợp lệ và đóng đầy đủ phí bảo hiểm đầu tiên. Thời hạn bảo hiểm tạm thời sẽ kết thúc vào ngày Prudential cấp Giấy Chứng nhận bảo hiểm nhân thọ, tạm hoãn hoặc ngày có quyết định từ chối chấp nhận bảo hiểm.

Quyền lợi Bảo hiểm tạm thời nêu trên sẽ không được chi trả nếu Người được bảo hiểm tử vong do các nguyên nhân gây ra như sau:

- Tự tử, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- Sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích; điều khiển các phương tiện giao thông với nồng độ cồn trong máu vượt quá mức cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành; hoặc
- Hành vi cố ý vi phạm pháp luật (theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

Trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong thuộc một trong các trường hợp loại trừ nêu trên, Prudential sẽ hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm khoản phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ chi phí khám, xét nghiệm y khoa, nếu có.



5. THỜI HẠN CÂN NHẮC

Trong vòng 21 ngày kể từ ngày Bên mua bảo hiểm nhận được Hợp đồng bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đề nghị hủy Hợp đồng bảo hiểm đến Prudential. Trong trường hợp này, Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt kể từ thời điểm Prudential xác nhận bằng văn bản yêu cầu nêu trên, Prudential sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ các chi phí khám, xét nghiệm y khoa, nếu có.

6. NHẦM LẤN KHI KÊ KHAI TUỔI VÀ GIỚI TÍNH

6.1 Trường hợp nhầm lẫn khi kê khai ngày sinh và/hoặc giới tính của Người được bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm sẽ được điều chỉnh lại theo tuổi và/hoặc giới tính đúng của Người được bảo hiểm.

6.2 Nếu theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Người được bảo hiểm không được Prudential chấp nhận bảo hiểm theo Quy tắc, Điều khoản này, Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị hủy bỏ và Prudential sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm giá trị nào lớn hơn giữa:

6.2.1 Tổng phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi trừ chi phí khám, xét nghiệm y khoa, nếu có; và

6.2.2 Giá trị hoàn lại

7. ĐIỀU KHOẢN MIỄN TRUY XÉT

Khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác hoặc bỏ sót trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được Prudential miễn truy xét sau 24 tháng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất hoặc ngày chấp thuận yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm gần nhất, tùy ngày nào đến sau.

Quy định trên sẽ không được áp dụng trong trường hợp Bên mua bảo hiểm đã cố ý kê khai không trung thực những thông tin mà nếu biết được những thông tin đó, Prudential sẽ từ chối chấp thuận bảo hiểm hoặc chấp thuận bảo hiểm có điều kiện.

8. THỪA KẾ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

8.1 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không phải là Người được bảo hiểm, nếu Bên mua bảo hiểm tử vong trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm có quyền thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm với điều kiện người thừa kế hợp pháp này hội đủ các điều kiện quy định cho Bên mua bảo hiểm theo Quy tắc, Điều khoản này. (Những) Người thụ hưởng do Bên mua bảo hiểm ban đầu chỉ định sẽ tự động bị hủy bỏ.



Trừ trường hợp Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt theo các trường hợp khác được quy định tại Điều 12.1.9, Điều 12.2.1 (b), từ Điều 17.2 đến Điều 17.6 của Quy tắc, Điều khoản này, nếu điều kiện trên không được đáp ứng, Hợp đồng bảo hiểm xem như chấm dứt trước thời hạn kể từ thời điểm Prudential nhận được thông báo về việc tử vong của Bên mua bảo hiểm và Prudential sẽ chi trả Giá trị hoàn lại, nếu có, tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.

- 8.2** Trường hợp Bên mua bảo hiểm là một tổ chức và tổ chức này giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực mà chưa được chuyển nhượng, Người được bảo hiểm sẽ trở thành Bên mua bảo hiểm mới và có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ đối với Hợp đồng bảo hiểm. (Những) Người thụ hưởng do Bên mua bảo hiểm ban đầu chỉ định sẽ tự động bị hủy bỏ.

PHẦN II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ BẢO HIỂM

9. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI KHÁC

A - QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

9.1 Quyền lợi trường hợp tử vong

Nếu Người được bảo hiểm tử vong trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 9.3 và Điều 11.1, Prudential sẽ chi trả:

- 9.1.1 Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản cơ bản tính tại thời điểm tử vong của Người được bảo hiểm; cộng với
- 9.1.2 Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, tính tại thời điểm tử vong của Người được bảo hiểm.

9.2 Quyền lợi trường hợp Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 80 của Người được bảo hiểm, ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 9.3 và Điều 11.2, Prudential sẽ chi trả:

- 9.2.1 Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản cơ bản tính tại thời điểm xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn; cộng với
- 9.2.2 Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, tính tại thời điểm xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.

9.3 Giới hạn chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm là trẻ em

Nếu Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước sinh nhật lần thứ 4 của Người được bảo hiểm và trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 9.1 và 9.2 sẽ được chi trả theo tỷ lệ dưới đây:



Tuổi tại thời điểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	Quyền lợi bảo hiểm
Dưới 1 tuổi	Toàn bộ Phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi.
Từ 1 đến dưới 2 tuổi	Giá trị nào lớn hơn giữa: <ul style="list-style-type: none">• 25% Số tiền bảo hiểm; và• Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm tử vong hoặc xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn Cộng với Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, tính tại thời điểm tử vong hoặc xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
Từ 2 đến dưới 3 tuổi	Giá trị nào lớn hơn giữa: <ul style="list-style-type: none">• 50% Số tiền bảo hiểm; và• Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm tử vong hoặc xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn Cộng với Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, tính tại thời điểm tử vong hoặc xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
Từ 3 đến dưới 4 tuổi	Giá trị nào lớn hơn giữa: <ul style="list-style-type: none">• 75% Số tiền bảo hiểm; và• Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm tử vong hoặc xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn Cộng với Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, tính tại thời điểm tử vong hoặc xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.

9.4 Quyền lợi Đáo hạn hợp đồng

Nếu Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống vào Ngày Đáo hạn hợp đồng, Prudential sẽ chi trả 1 lần cho Bên mua bảo hiểm toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng.

9.5 Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, (i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm được xét thưởng (sản phẩm chính và/hoặc sản phẩm bổ trợ Nhóm 1) được đóng đầy đủ và đúng hạn đến thời điểm xét Quyền lợi duy trì Hợp đồng; và (ii) Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong thời gian xét thưởng; và (iii) Bên mua bảo hiểm không giảm Số tiền bảo hiểm của sản phẩm được xét thưởng đến thời gian xét thưởng, Prudential sẽ chi trả Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng như sau:

- a. 100% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của sản phẩm được xét thưởng trong năm hợp đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày ký



niệm năm hợp đồng thứ 10. Thời gian xét thưởng là 5 Năm hợp đồng bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 6 đến hết Năm hợp đồng thứ 10;

- b. 75% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của sản phẩm được xét thưởng trong năm hợp đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó. Thời gian xét thưởng là 5 Năm hợp đồng bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 11 đến hết Năm hợp đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó.

9.6 Quyền lợi thưởng tri ân khách hàng

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, vào Ngày kỷ niệm Năm hợp đồng thứ 20 và mỗi 5 năm sau đó, Prudential sẽ chi trả Quyền lợi thưởng tri ân khách hàng vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm với tỷ lệ tương ứng như sau:

4% Giá trị tài khoản cơ bản trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó (được tính vào Ngày kỷ niệm tháng Hợp đồng) sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản; và

4% Giá trị tài khoản tích lũy thêm trung bình, nếu có trong 60 tháng liền kề trước đó (được tính vào Ngày kỷ niệm tháng Hợp đồng) sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm.

9.7 Quyền lợi hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung

Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được tính lãi hàng tháng theo mức lãi suất đầu tư do Prudential công bố. Lãi suất đầu tư sau khi đã trừ phí quản lý quỹ luôn được đảm bảo ở mức tối thiểu như sau:

Năm hợp đồng	Lãi suất đầu tư đảm bảo
Năm thứ 1	4,0%/năm
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3,0%/năm
Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10	2,5%/năm
Từ năm thứ 11 đến năm thứ 15	2,0%/năm
Từ năm thứ 16 trở đi	1,0%/năm

Vào định kỳ mỗi quý (có thể thay đổi trong tương lai), Công ty sẽ công bố mức lãi suất đầu tư áp dụng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty dựa trên mức lãi suất đầu tư dự kiến sau khi khấu trừ Phí quản lý quỹ theo quy định tại Điều 14.2.4.

- 9.8 Các quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 9.1, Điều 9.2, Điều 9.3 và Điều 9.4 sẽ được chi trả sau khi khấu trừ (các) Khoản nợ, nếu có. Ngay sau khi một trong các quyền lợi này được chấp thuận chi trả, Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực và mọi trách nhiệm và nghĩa vụ của Prudential theo Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt.

B - QUYỀN LỢI KHÁC

9.9 Quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm

9.9.1 Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm năm



hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 60 của Người được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm mà không cần phải trải qua thẩm định sức khỏe trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện sau:

- a. Người được bảo hiểm kết hôn; hoặc
- b. Người được bảo hiểm sinh con hoặc nhận con nuôi; hoặc
- c. Con của Người được bảo hiểm bắt đầu vào học cấp 1, hoặc cấp 2, hoặc cấp 3, hoặc Đại học.

9.9.2 Số tiền bảo hiểm tăng thêm tối đa là 50% Số tiền bảo hiểm tại thời điểm phát hành hợp đồng nhưng không vượt quá 500.000.000 đồng và Số tiền bảo hiểm sau khi tăng không vượt quá số tiền bảo hiểm tối đa theo quy định của Prudential.

9.9.3 Số tiền bảo hiểm sau khi tăng sẽ có hiệu lực vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng sau khi yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm được Prudential chấp thuận. Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm rủi ro và các điều kiện khác có liên quan của Hợp đồng bảo hiểm sẽ được điều chỉnh tương ứng.

9.9.4 Quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm được thực hiện tối đa 02 lần trong suốt Thời hạn hợp đồng.

9.10 Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng

Trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, sản phẩm bảo hiểm chính sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực ngay cả khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng không (0) với điều kiện Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong thời gian này.

Trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực ngay cả khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng không (0) với điều kiện Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 và không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong thời gian này.

10. THỦ TỤC VÀ THỜI GIAN GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

10.1 Trường hợp tử vong

Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm hợp lệ theo quy định của Prudential bao gồm:

10.1.1 Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm (theo mẫu của Prudential) đã được điền đầy đủ, trung thực và chính xác; và

10.1.2 Bằng chứng về quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm được nêu trong Quy tắc, Điều khoản này như giấy ủy quyền, di chúc, văn bản thỏa thuận phân chia di sản hoặc văn bản khai nhận di sản, tùy từng trường hợp, có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; và

10.1.3 Giấy chứng tử, giấy báo tử theo quy định của pháp luật; và

10.1.4 Tóm tắt bệnh án hoặc bản sao hồ sơ bệnh án nằm viện (sổ khám bệnh, Giấy ra viện và các chứng từ y tế liên quan đến việc khám, chẩn đoán và điều trị) và



(các) xét nghiệm liên quan theo chỉ định của bác sĩ, giấy chứng nhận phẫu thuật (nếu có phẫu thuật) liên quan trực tiếp đến hồ sơ điều trị của Bệnh viện nơi Người được bảo hiểm tử vong; và

- 10.1.5 Các giấy tờ liên quan đến Tai nạn như biên bản tai nạn, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản điều tra, kết luận điều tra của cơ quan công an có thẩm quyền, nếu có, theo quy định của pháp luật; và

10.2 Trường hợp Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm hợp lệ theo quy định của Prudential bao gồm:

- 10.2.1 Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm (theo mẫu của Prudential) đã được điền đầy đủ, trung thực và chính xác; và
- 10.2.2 Tóm tắt bệnh án hoặc bản sao hồ sơ bệnh án nằm viện (sổ khám bệnh, Giấy ra viện và các chứng từ y tế liên quan đến việc khám, chẩn đoán và điều trị) và (các) xét nghiệm liên quan theo chỉ định của bác sĩ, giấy chứng nhận phẫu thuật (nếu có phẫu thuật) liên quan trực tiếp đến hồ sơ điều trị của Bệnh viện nơi Người được bảo hiểm điều trị; và
- 10.2.3 Các giấy tờ liên quan đến Tai nạn như biên bản tai nạn, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản điều tra, kết luận điều tra của cơ quan công an có thẩm quyền, nếu có và theo quy định của pháp luật; và
- 10.2.4 Bằng chứng về sự kiện Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn như hồ sơ bệnh án có xác nhận của Bệnh viện cho các trường hợp mất bộ phận cơ thể hoặc Giấy xác nhận mất khả năng lao động của cơ quan y tế/Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh trở lên cho các trường hợp liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của một hoặc hơn một bộ phận cơ thể như quy định tại Điều 2.29.

10.3 Trường hợp Quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm phải cung cấp cho Prudential trong thời gian sớm nhất có thể những giấy tờ sau đây:

- 10.3.1 Phiếu yêu cầu điều chỉnh hợp đồng (theo mẫu của Prudential); và
- 10.3.2 Bằng chứng về việc phát sinh các sự kiện để được hưởng Quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm như bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy khai sinh, bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, bằng chứng về việc nhập học.

10.4 Trường hợp Quyền lợi Đáo hạn hợp đồng

Bên mua bảo hiểm cần cung cấp cho Prudential trong thời gian sớm nhất có thể phiếu yêu cầu (theo mẫu của Prudential) đã được điền đầy đủ, trung thực và chính xác.

10.5 Người nhận quyền lợi bảo hiểm

- 10.5.1 Trường hợp Đáo hạn hợp đồng: Prudential sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm.

- 10.5.2 Những trường hợp khác:



- a. Bên mua bảo hiểm là cá nhân: Prudential sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên như sau:
- i. Bên mua bảo hiểm; hoặc
 - ii. Người thụ hưởng được chỉ định trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc trong thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất, nếu có. Trường hợp có nhiều Người thụ hưởng mà một trong những người này không còn sống/tồn tại tại thời điểm phát sinh sự kiện bảo hiểm, phần quyền lợi bảo hiểm của người này sẽ được chi trả cho người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm; hoặc
 - iii. Người thừa kế hợp pháp của Bên mua bảo hiểm, nếu Hợp đồng bảo hiểm không chỉ định Người thụ hưởng.
- b. Bên mua bảo hiểm là tổ chức: Prudential sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên như sau:
- i. Người thụ hưởng được chỉ định trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc trong thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất, nếu có, bởi Bên mua bảo hiểm và được sự đồng ý của Người được bảo hiểm. Trường hợp có nhiều Người thụ hưởng mà một trong những người này không còn sống/tồn tại tại thời điểm phát sinh sự kiện bảo hiểm, phần quyền lợi bảo hiểm của người này sẽ được chi trả cho người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm; hoặc
 - ii. Người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm, nếu Hợp đồng bảo hiểm không chỉ định Người thụ hưởng; hoặc
 - iii. Bên mua bảo hiểm.

10.6 Prudential có trách nhiệm xem xét giải quyết Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm trong thời gian: (i) 30 ngày từ khi nhận được Hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm đầy đủ và hợp lệ theo các quy định nêu tại Điều 10.1 đến Điều 10.3; và (ii) 05 ngày làm việc sau ngày đến hạn thanh toán đối với Quyền lợi đáo hạn.

Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu quá thời hạn nêu trên, đối với các hồ sơ được chấp thuận chi trả, khi thanh toán, Prudential sẽ trả thêm lãi của số tiền này. Mức lãi suất áp dụng cho khoản chi trả chậm này được căn cứ vào lãi suất đối với phần tạm ứng từ giá trị hoàn lại do Prudential công bố tại từng thời điểm trên trang thông tin điện tử (website) của Prudential.

11. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ

11.1 Loại trừ trong trường hợp Người được bảo hiểm tử vong

Prudential sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định tại Điều 9.1 và Điều 9.3 nếu Người được bảo hiểm tử vong do bất kỳ lý do nào dưới đây:

11.1.1 Tự tử, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí, trong vòng 24 tháng kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau. Đối với phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm,



loại trừ do nguyên nhân tự tử theo quy định tại Điều này sẽ được áp dụng trong vòng 24 tháng tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc

11.1.2 Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc

11.1.3 Do bị thi hành án tử hình; hoặc

11.1.4 Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

11.2 Loại trừ trong trường hợp Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Prudential sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm quy định tại Điều 9.2 và Điều 9.3 nếu tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm:

11.2.1 Đã xảy ra trước Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; tùy ngày nào đến sau; hoặc

11.2.2 Phát sinh từ:

- a. Tự tử không thành dẫn đến Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- b. Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
- c. Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

11.3 Khi Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trong các trường hợp loại trừ quy định tại Điều 11.2, nếu Bên mua bảo hiểm vẫn tiếp tục đóng phí bảo hiểm để duy trì Hợp đồng bảo hiểm và tiếp tục được bảo hiểm cho các trường hợp không thuộc điều khoản loại trừ, Hợp đồng bảo hiểm vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực theo Quy tắc, Điều khoản này.

Khi Người được bảo hiểm tử vong trong các trường hợp loại trừ quy định tại Điều 11.1 hoặc Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trong các trường hợp loại trừ quy định tại Điều 11.2, Prudential sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm giá trị nào lớn hơn giữa:

11.3.1 Tổng phí bảo hiểm đã đóng tính đến thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, không có lãi, sau khi trừ chi phí khám, xét nghiệm y khoa, nếu có; và

11.3.2 Giá trị hoàn lại tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm.

11.4 Trong trường hợp có hơn một Người thụ hưởng và một hoặc một số người trong đó cố ý gây ra tổn thương, thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm, Prudential vẫn trả toàn bộ quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng khác theo tỷ lệ tương



ứng với tỷ lệ mà Bên mua bảo hiểm đã chỉ định trong Hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản này.

12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

12.1 Quyền của Bên mua bảo hiểm

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Bên mua bảo hiểm có các quyền sau đây:

12.1.1 Được cung cấp thông tin

Bên mua bảo hiểm có quyền được cung cấp thông tin và được giải thích về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm khi giao kết Hợp đồng bảo hiểm.

12.1.2 Thay đổi Số tiền bảo hiểm

a) Đối với Sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1:

Trừ trường hợp Hợp đồng bảo hiểm đang trong giai đoạn tạm ngưng đóng Phí bảo hiểm cơ bản, việc thay đổi Số tiền bảo hiểm được thực hiện 1 lần 1 năm theo quy định của Prudential tại thời điểm yêu cầu kể từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 2 cho đến khi: (i) Người được bảo hiểm đạt tuổi 65 tính theo kỳ sinh nhật vừa qua đối với trường hợp tăng Số tiền bảo hiểm; và (ii) kết thúc Thời hạn hợp đồng bảo hiểm đối với trường hợp giảm Số tiền bảo hiểm. Việc thay đổi Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 chỉ có hiệu lực từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi yêu cầu của Bên mua bảo hiểm được chấp thuận. Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm rủi ro và các điều kiện khác có liên quan của Hợp đồng bảo hiểm sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Việc thay đổi Số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 12.1.2 (a) này là tách biệt và không liên quan đến quyền lợi đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm được quy định tại Điều 9.9.

b) Đối với (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2

Bên mua bảo hiểm có quyền thay đổi Số tiền bảo hiểm của sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2 theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản của các sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2 tương ứng.

c) Số tiền bảo hiểm sau khi thay đổi không thấp hơn Số tiền bảo hiểm tối thiểu theo quy định của Prudential tại từng thời điểm được công bố tại cổng thông tin điện tử của Prudential.

12.1.3 Bỏ sung hoặc chấm dứt hiệu lực (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ

Bên mua bảo hiểm có quyền chấm dứt hiệu lực hoặc tham gia thêm (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ vào bất kỳ lúc nào. Việc chấm dứt hoặc tham gia thêm (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 có thể làm giảm hoặc tăng mức Phí bảo hiểm cơ bản tương ứng của Hợp đồng bảo hiểm.



Ngày có hiệu lực hoặc chấm dứt hiệu lực của (các) sản phẩm bảo hiểm bảo trợ là ngày ghi trong thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng tương ứng.

12.1.4 Rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng

- a. Đối với Giá trị tài khoản cơ bản: Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền vào bất kỳ lúc nào trong Thời hạn hợp đồng nếu đáp ứng các điều kiện sau:
 - i. Số tiền yêu cầu rút mỗi lần không vượt quá 80% Giá trị tài khoản cơ bản; và
 - ii. Sau khi rút tiền, Giá trị tài khoản cơ bản không thấp hơn mức quy định của Prudential tại từng thời điểm; và
 - iii. Khi rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản, Số tiền bảo hiểm sẽ bị điều chỉnh giảm tương ứng nếu Giá trị tài khoản cơ bản sau khi rút nhỏ hơn Số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, Số tiền bảo hiểm sau khi giảm không được nhỏ hơn Số tiền bảo hiểm tối thiểu theo quy định của Prudential.
- b. Đối với Giá trị tài khoản tích lũy thêm: Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền vào bất kỳ lúc nào trong Thời hạn hợp đồng.
- c. Số tiền yêu cầu rút mỗi lần không được thấp hơn số tiền rút tối thiểu mỗi lần theo quy định của Prudential tại từng thời điểm được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.
- d. Các khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.

12.1.5 Đóng thêm phí bảo hiểm

- a. Vào bất kỳ thời điểm nào sau khi đã đóng đủ Phí bảo hiểm đến hạn, Bên mua bảo hiểm có quyền đóng Phí bảo hiểm tích lũy thêm để làm tăng Giá trị Tài khoản tích lũy thêm. Tuy nhiên, Prudential có quyền ngưng nhận Phí bảo hiểm tích lũy thêm khi kết quả đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung (sau chi phí đầu tư) thấp hơn mức lãi suất đầu tư tối thiểu đã được Prudential cam kết.
- b. Việc đóng thêm phí bảo hiểm sẽ không làm tăng Số tiền bảo hiểm và khoản Phí bảo hiểm tích lũy thêm trong mỗi Năm hợp đồng không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Prudential tại từng thời điểm và theo quy định pháp luật hiện hành.

12.1.6 Tạm ngưng đóng phí bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm có quyền tạm ngưng đóng Phí bảo hiểm cơ bản trong bất kỳ thời điểm nào kể từ Năm hợp đồng thứ 6 trở đi với điều kiện Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực và Giá trị tài khoản hợp đồng tại thời điểm Tạm ngưng đóng



Phí bảo hiểm cơ bản còn đủ để trả cho Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng như quy định tại Điều 14.

Trong thời gian tạm ngưng đóng phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm không được yêu cầu tăng Số tiền bảo hiểm của Bảo hiểm chính và Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1.

Việc tạm ngưng đóng phí bảo hiểm này có thể ảnh hưởng đến quyền lợi bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm có thể bị mất hiệu lực theo quy định tại Điều 15. Quyền tạm ngưng đóng phí bảo hiểm cơ bản chỉ áp dụng đối với bảo hiểm chính và (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1, không áp dụng đối với (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2, nếu có. Trong thời gian tạm ngưng đóng phí, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chỉ đóng phí bảo hiểm cho (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2.

12.1.7 Chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm

- a. Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm bằng cách thông báo bằng văn bản đến Prudential. Người được chuyển nhượng phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm với (những) Người được bảo hiểm, thỏa mãn các điều kiện theo Quy tắc, Điều khoản này và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng chỉ có hiệu lực khi Prudential có văn bản xác nhận việc chuyển nhượng đó.
- b. Prudential sẽ không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của việc chuyển nhượng giữa Bên mua bảo hiểm và người được chuyển nhượng.
- c. Sau khi việc chuyển nhượng có hiệu lực, Người được bảo hiểm vẫn không thay đổi và người được chuyển nhượng có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ đối với Hợp đồng bảo hiểm. (Những) Người thụ hưởng do Bên mua bảo hiểm ban đầu chỉ định sẽ tự động bị hủy bỏ.

12.1.8 Chỉ định hoặc thay đổi Người thụ hưởng

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống, nếu được Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, Bên mua bảo hiểm có thể gửi yêu cầu chỉ định, thay đổi (những) Người thụ hưởng hoặc tỷ lệ thụ hưởng của mỗi người thụ hưởng của Hợp đồng bảo hiểm cho Prudential. Việc chỉ định, thay đổi chỉ có hiệu lực khi Prudential chấp nhận và Prudential không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp cũng như tranh chấp (nếu có) của Bên mua bảo hiểm hoặc những người liên quan đến việc chỉ định thay đổi Người thụ hưởng.

12.1.9 Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn

- a. Bên mua bảo hiểm có thể chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn vào bất kỳ lúc nào bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản cho Prudential.



Ngày chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm là ngày Prudential chấp thuận bằng văn bản.

- b. Vào ngày Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực, tất cả các quyền lợi bảo hiểm sẽ chấm dứt và Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được Giá trị hoàn lại, nếu có.

12.1.10 Khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm

- a. Khi Hợp đồng bảo hiểm hoặc (các) sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 bị mất hiệu lực theo Điều 15 của Quy tắc, Điều khoản này, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau:
 - i. Bên mua bảo hiểm nộp yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc (các) sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 bằng văn bản trong thời gian 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực gần nhất nhưng không trễ hơn Ngày Đáo hạn hợp đồng; và
 - ii. Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ khoản tiền để khôi phục hiệu lực bao gồm: các khoản phí quá hạn nếu hợp đồng trong giai đoạn đóng phí bắt buộc hoặc tối thiểu một khoản phí bảo hiểm bằng 3 kỳ phí bảo hiểm cơ bản theo định kỳ đóng phí tháng sao cho Giá trị tài khoản phải lớn hơn 0 sau khi trừ đi các Khoản nợ (nếu có); và
 - iii. Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đáp ứng mọi điều kiện để được bảo hiểm theo quy định của Prudential tại thời điểm yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm.
- b. Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin về nhân thân, sức khỏe, nghề nghiệp trong hồ sơ yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc (các) sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 và tuân thủ các điều kiện đã thỏa thuận tại Quy tắc, Điều khoản này. Nếu Bên mua bảo hiểm vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này, việc khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 12.2.1 của Quy tắc, Điều khoản này.
- c. Nếu được Prudential chấp nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, thời điểm có hiệu lực của việc khôi phục này được tính từ ngày Prudential cấp thư xác nhận khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc (các) sản phẩm bổ trợ Nhóm 1, với điều kiện vào thời điểm này, cả Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải còn sống và Người được bảo hiểm không bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn. Prudential không bảo hiểm cho những sự kiện bảo hiểm đã xảy ra trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực.



12.2 Nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm

12.2.1 kê khai chính xác các thông tin cần thiết

- a. Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ, chính xác và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Prudential đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thăm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại điều này.
- b. Nếu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cố ý kê khai không đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Prudential, theo đó, nếu với thông tin chính xác, Prudential sẽ không chấp nhận bảo hiểm, Prudential không có trách nhiệm chi trả các quyền lợi bảo hiểm và có quyền đơn phương đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm này ngay sau khi phát hiện ra hành vi vi phạm của Bên mua bảo hiểm và chỉ trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại, nếu có, tính đến ngày đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm.
- c. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ kê khai thông tin tại Điều này nhưng việc vi phạm này không làm ảnh hưởng tới quyết định chấp thuận bảo hiểm hoặc quyết định khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của Prudential tại từng thời điểm, Prudential vẫn sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu có sự kiện bảo hiểm xảy ra theo quy tắc và điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm này.
- d. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm cố ý vi phạm nghĩa vụ kê khai thông tin tại Điều này nhưng Prudential vẫn chấp thuận bảo hiểm và tiếp tục duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm, Prudential có quyền:
 - Thu thêm khoản phí bảo hiểm tương ứng với mức tăng rủi ro, nếu có; và/hoặc
 - Điều chỉnh lại Số tiền bảo hiểm tương ứng; và/hoặc
 - Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với thương tật, bệnh tật, khuyết tật không được cung cấp, kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác.

12.2.2 Đóng thuế

Người nhận quyền lợi bảo hiểm có trách nhiệm đóng các khoản thuế, nếu có, liên quan đến việc đóng phí bảo hiểm, phát hành Hợp đồng bảo hiểm và nhận các khoản chi trả, nếu có, được nêu tại Hợp đồng bảo hiểm và theo quy định của pháp luật. Prudential sẽ thay mặt người nhận quyền lợi bảo hiểm thực hiện việc khấu trừ và đóng thuế theo quy định của pháp luật.



12.2.3 Đóng phí bảo hiểm

Trong mọi trường hợp, Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm đúng hạn dù có nhận được thư yêu cầu hoặc nhắc nhở đóng phí của Prudential hay không. Bằng chứng cho việc đóng phí bảo hiểm đúng hạn là ngày ghi trên Phiếu thu phí bảo hiểm hợp lệ do Prudential cấp cho Bên mua bảo hiểm, ngày ngân hàng xác nhận trên ủy nhiệm chi hoặc xác nhận việc nộp tiền mặt vào tài khoản của Prudential, hoặc ngày trên chứng từ thu phí hợp lệ khác theo quy định của Prudential. Trong trường hợp khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, ngoài việc đóng phí bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm phải thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Quy tắc, Điều khoản này.

12.2.4 Cập nhật thông tin cá nhân

Nếu Người được bảo hiểm thay đổi nơi cư trú, Bên mua bảo hiểm phải thông báo cho Prudential bằng văn bản. Nếu Người được bảo hiểm không tiếp tục cư trú tại Việt Nam, Prudential sẽ giữ quyền quyết định tiếp tục bảo hiểm với mức Phí bảo hiểm rủi ro không đổi, tăng Phí bảo hiểm rủi ro hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm và trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại, nếu có.

13. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA PRUDENTIAL

13.1 Quyền của Prudential

Ngoài các quyền khác do pháp luật quy định, tùy từng trường hợp trước khi phát hành hợp đồng, hoặc khi có yêu cầu gia tăng số tiền bảo hiểm và/hoặc tăng quyền lợi bảo hiểm, Prudential có thể yêu cầu Người được bảo hiểm đi kiểm tra sức khỏe với chi phí có liên quan do Prudential chi trả. Tuy nhiên, việc thẩm định sức khỏe, nếu có, không thể thay thế cho nghĩa vụ kê khai đầy đủ và trung thực của Bên mua bảo hiểm theo quy định tại Điều 12.2.1 của Quy tắc, Điều khoản này.

13.2 Nghĩa vụ của Prudential

13.2.1 Ngoài các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định, trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, Prudential có nghĩa vụ giải thích rõ ràng cho Bên mua bảo hiểm về Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm, công bố cho Bên mua bảo hiểm các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung và (các) thông tin theo quy định của pháp luật. Trường hợp Prudential cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm, Prudential phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật;

13.2.2 Cấp cho bên mua bảo hiểm giấy chứng nhận bảo hiểm sau khi giao kết hợp đồng bảo hiểm;

13.2.3 Chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của Quy tắc, điều khoản này;



- 13.2.4 Giải thích bằng văn bản lý do từ chối trả quyền lợi bảo hiểm hoặc từ chối bồi thường.
- 13.2.5 Prudential không được chuyển giao thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm cung cấp tại Hợp đồng bảo hiểm cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau đây:
- Thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán phí bảo hiểm, phát hành hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, nghiên cứu, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn, lưu trữ dữ liệu.
 - Các trường hợp khác được Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản. Theo đó, Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm sẽ được thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và được quyền lựa chọn giữa đồng ý hoặc không đồng ý với việc chuyển giao đó; và
 - Việc Bên mua bảo hiểm/ Người được bảo hiểm từ chối cho phép chuyển giao thông tin cho bên thứ ba ngoài điểm a khoản này không được sử dụng làm lý do để từ chối giao kết hợp đồng bảo hiểm.

14. PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

14.1 Phí bảo hiểm

- 14.1.1 Phí bảo hiểm, định kỳ đóng phí bảo hiểm và Số tiền bảo hiểm được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ hoặc thư xác nhận điều chỉnh hợp đồng gần nhất, nếu có, theo Quy tắc, Điều khoản này.
- 14.1.2 Phí bảo hiểm được phân bổ như sau:
Trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm có yêu cầu khác, phí bảo hiểm đã nộp sẽ được phân bổ theo thứ tự ưu tiên cho (i) (các) khoản Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính đến hạn; (ii) (các) khoản Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ đến hạn, nếu có; và (iii) (các) khoản Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2 đến hạn, nếu có. Khoản tiền còn lại, nếu có, sau khi được phân bổ theo thứ tự trên sẽ được phân bổ vào Tài khoản tích lũy thêm. Bất kỳ khoản tiền nào không đủ để đóng Phí bảo hiểm đến hạn sẽ được phân bổ theo định kỳ đóng phí ngắn hơn để đảm bảo phân bổ đầy đủ khoản tiền đó theo thứ tự ưu tiên nêu trên.
- 14.1.3 Bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên và Phí bảo hiểm đến hạn của sản phẩm bổ trợ Nhóm 2 trong suốt thời hạn bảo hiểm.
- 14.1.4 Bên mua bảo hiểm có thể ủy quyền cho người khác đóng phí bảo hiểm thay mình. Prudential chỉ chịu trách nhiệm trên phí bảo hiểm thực nhận.



14.2 Các loại phí liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm

14.2.1 Phí ban đầu

Phí ban đầu được quy định trong bảng sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	Kể từ năm thứ 5 trở đi
% của Phí bảo hiểm cơ bản (sản phẩm chính)	85%	75%	10%	5%	0%
% của Phí bảo hiểm cơ bản (sản phẩm bổ trợ nhóm 1)	70%	65%	10%	5%	0%
% của Phí bảo hiểm tích lũy thêm	2%	2%	2%	2%	2%

14.2.2 Phí bảo hiểm rủi ro

Khi Hợp đồng bảo hiểm còn hiệu lực, Phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày hiệu lực Hợp đồng và mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng.

Phí bảo hiểm rủi ro được xác định dựa trên:

- Số tiền bảo hiểm chịu rủi ro của sản phẩm bảo hiểm chính và Số tiền bảo hiểm của (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1, nếu có;
- Tuổi tính theo kỳ sinh nhật vừa qua (tính tại Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng) của Người được bảo hiểm;
- Giới tính của Người được bảo hiểm;
- Sức khỏe, nghề nghiệp của Người được bảo hiểm theo tiêu chuẩn thẩm định hiện hành của Prudential;
- Giới hạn chi trả Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm là trẻ em (nếu có).

Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu Prudential cung cấp thông tin chi tiết về Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm yêu cầu cung cấp thông tin.

14.2.3 Phí quản lý hợp đồng

- Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng.
- Phí quản lý hợp đồng được cố định là 40.000 đồng/ tháng và sẽ không thay đổi trong suốt thời hạn hợp đồng.

14.2.4 Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ trung bình trong mỗi năm tài chính tối đa là 2,0%/năm. Sau khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty sẽ tiến hành đánh giá lại mức lãi suất đầu tư thực tế so với mức lãi suất đầu tư đã công bố trong năm nhằm đảm bảo Phí quản lý quỹ trung bình thực tế không vượt quá mức tối đa này. Nếu Phí quản lý quỹ trung bình thực tế trong năm tài chính cao hơn mức tối đa này, Công ty



sẽ tăng thêm một khoản lãi vào Giá trị tài khoản của Hợp đồng (vào năm tài chính tiếp theo) để đảm bảo Phí quản lý quỹ thỏa mãn mức tối đa này.
Mức quản lý quỹ tối đa này có thể thay đổi tùy thuộc vào sự chấp thuận của Bộ Tài chính.

14.3 Thay đổi về Phí ban đầu, Phí bảo hiểm rủi ro hoặc mức tối đa của Phí quản lý quỹ, nếu có sẽ được Prudential thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

15. GIA HẠN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM - MẤT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

15.1 Thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và/hoặc (các) sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 là 60 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện sau:

15.1.1 Trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên, khi Bên mua bảo hiểm không đóng đủ Phí bảo hiểm cơ bản đến hạn của sản phẩm chính và/hoặc (các) sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 hoặc khi Giá trị tài khoản hợp đồng trừ đi (các) Khoản nợ, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0, trừ trường hợp Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực hợp đồng được áp dụng như quy định tại Điều 9.10; hoặc

15.1.2 Từ Năm hợp đồng thứ 6 trở đi, khi Giá trị tài khoản hợp đồng trừ đi (các) Khoản nợ, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0.

Sau khi kết thúc thời gian gia hạn đóng phí, nếu Bên mua bảo hiểm vẫn không đóng đủ phí bảo hiểm theo yêu cầu, Hợp đồng bảo hiểm hoặc (các) sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 sẽ mất hiệu lực với ngày mất hiệu lực là ngày đến hạn đóng phí hoặc là ngày mà Giá trị tài khoản trừ đi (các) khoản nợ, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0.

15.2 Thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm cho (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2 là 60 ngày kể từ ngày đến hạn đóng phí. Khi hết thời hạn này, nếu Bên mua bảo hiểm chưa đóng đủ phí bảo hiểm, (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2 sẽ mất hiệu lực với ngày mất hiệu lực là ngày đến hạn đóng phí.

15.3 Trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm, Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng hoặc được ghi nợ tại Prudential và tất cả các quyền lợi bảo hiểm vẫn được tiếp tục theo Quy tắc, Điều khoản này.

15.4 Nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian gia hạn đóng phí và được Prudential chấp thuận, quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả sau khi đã khấu trừ các khoản (các) Khoản nợ, nếu có.

15.5 Bên mua bảo hiểm có thể khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 theo quy định tại Điều 12.1.10. Việc khôi phục hiệu lực (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2 chỉ được thực hiện khi Hợp đồng bảo hiểm vẫn còn hiệu lực.

15.6 Trong thời gian 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng và nhận lại Giá trị hoàn lại tại ngày mất hiệu lực Hợp đồng, nếu có.



15.7 Nếu Bên mua bảo hiểm không có yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng và cũng không có yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng, kết thúc thời gian 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực Hợp đồng, Công ty sẽ chấm dứt hiệu lực Hợp đồng và trả lại Giá trị hoàn lại tại ngày mất hiệu lực Hợp đồng, nếu có, cho Bên mua bảo hiểm.

16. QUỸ LIÊN KẾT CHUNG VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN HỢP ĐỒNG

16.1 Quỹ liên kết chung

Phí bảo hiểm được phân bổ sẽ được đầu tư vào Quỹ liên kết chung theo quy định của Quy tắc, Điều khoản này.

Prudential sẽ thực hiện chính sách đầu tư thận trọng bằng việc tập trung đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu Prudential và tiền gửi ngân hàng, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn như chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán đang được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

16.2 Giá trị tài khoản hợp đồng

16.2.1 Giá trị tài khoản hợp đồng bao gồm Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm. Toàn bộ các khoản khấu trừ liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm như được quy định tại Điều 14.2.2, Điều 14.2.3 và Điều 14.2.4 sẽ được ưu tiên khấu trừ từ Giá trị tài khoản cơ bản, riêng khoản khấu trừ như được quy định tại Điều 12.1.4 sẽ được ưu tiên khấu trừ từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm. Nếu Giá trị tài khoản cơ bản không có hoặc không đủ để khấu trừ, các khoản khấu trừ hoặc phần còn lại của các khoản khấu trừ này sẽ được tiếp tục khấu trừ từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm.

16.2.2 Hàng năm, Prudential sẽ thông báo bằng văn bản đến Bên mua bảo hiểm số tiền trong Giá trị tài khoản hợp đồng. Prudential sẽ quản lý và đầu tư số tiền trong Giá trị tài khoản hợp đồng vào lĩnh vực đầu tư mà Prudential được phép hoặc thấy thích hợp hoặc có thể ủy thác việc quản lý và đầu tư số tiền này cho một bên thứ ba.

16.2.3 Giá trị tài khoản cơ bản được tính toán như sau:

- a. Vào Ngày hiệu lực hợp đồng, Giá trị tài khoản cơ bản bằng:
 - i. Phí bảo hiểm cơ bản; trừ
 - ii. Phí ban đầu; trừ
 - iii. Phí bảo hiểm rủi ro theo quy định tại Điều 14.2.2 và Phí quản lý hợp đồng theo quy định tại Điều 14.2.3.
- b. Vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, Giá trị tài khoản cơ bản bằng:
 - i. Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; cộng
 - ii. Các khoản phí bảo hiểm được phân bổ từ Phí bảo hiểm cơ bản tính từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; cộng



- iii. Tiền lãi trên cơ sở lãi suất đầu tư công bố tính từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; cộng
- iv. Quyền lợi thưởng duy trì Hợp đồng và Quyền lợi thưởng tri ân khách hàng, nếu có.
Trừ các khoản sau:
 - i. Các khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản, nếu có, phát sinh kể từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; và
 - ii. Phí bảo hiểm rủi ro theo quy định tại Điều 14.2.2 và Phí quản lý hợp đồng theo quy định tại Điều 14.2.3.

16.2.4 Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, được tính toán như sau:

- a. Vào Ngày hiệu lực hợp đồng, Giá trị tài khoản tích lũy thêm bằng:
 - i. Phí bảo hiểm tích lũy thêm; trừ
 - ii. Phí ban đầu; trừ
 - iii. Phí bảo hiểm rủi ro theo quy định tại Điều 14.2.2 và Phí quản lý hợp đồng theo quy định tại Điều 14.2.3.
- b. Vào mỗi Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, Giá trị tài khoản tích lũy thêm bằng:
 - i. Giá trị tài khoản tích lũy thêm vào Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; cộng
 - ii. Các khoản phí bảo hiểm được phân bổ từ Phí bảo hiểm tích lũy thêm tính từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; cộng
 - iii. Tiền lãi trên cơ sở lãi suất đầu tư công bố tính từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; cộng
 - iv. Quyền lợi thưởng tri ân khách hàng, nếu có.
Trừ các khoản sau:
 - i. Các khoản rút tiền từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, phát sinh kể từ Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng của tháng trước; và
 - ii. Phí bảo hiểm rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.

17. CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Hợp đồng bảo hiểm này sẽ chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau, tùy trường hợp nào xảy ra trước:

- 17.1** Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực trước thời hạn theo quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 12.1.9, Điều 12.2.1, Điều 15.6, Điều 15.7 của Quy tắc, Điều khoản này; hoặc
- 17.2** Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính tử vong; hoặc
- 17.3** Quyền lợi trường hợp Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn đã được Prudential chấp thuận chi trả; hoặc
- 17.4** Ngày Đáo hạn hợp đồng; hoặc
- 17.5** Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.



18. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên, sẽ được đưa ra tòa án nơi Prudential có trụ sở chính hoặc nơi Người được bảo hiểm cư trú tại Việt Nam để giải quyết. Án phí do bên thua kiện chịu. Thời hiệu khởi kiện là 3 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.